

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2023/DSST**

Ngày : 08/9/2023

Về việc: “*Tranh chấp quyền
được nhận tiền trợ cấp người
có công từ trần và tiền
thờ cúng Liệt sĩ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trường và ông Phạm Hoàn Thiện.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện PH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: ông Phan Công Đồ – Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền được nhận tiền trợ cấp người có công từ trần và tiền thờ cúng Liệt sĩ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kiều H, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kiều G, sinh năm: 1948. Địa chỉ: Khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện PH;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T – Chuyên viên. Có mặt tại phiên tòa.

- Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện PH;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1 – Công chức Văn hóa xã hội (theo giấy ủy quyền ngày 06/9/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn PH). Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1955;

Người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Y: Bà Võ Thị T2, sinh năm: 1967.
Đồng địa chỉ: Khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1954;

- Ông Nguyễn H, sinh năm: 1947.

Đồng địa chỉ: Khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Kiều H trình bày: Mẹ của nguyên đơn là bà Lê Thị L là người thờ cúng và nhận trợ cấp hàng tháng của Liệt sĩ Nguyễn T (anh ruột của ông H). Đến ngày 18/11/2021, bà Lê Thị L chết. Sau khi bà L chết, các chế độ đối với Liệt sĩ Nguyễn T chưa được các anh, em trong gia đình (gồm có ông Nguyễn Kiều G, bà Nguyễn Thị Y (bị câm điếc bẩm sinh) và ông Nguyễn Kiều H) thống nhất cử người đại diện liên hệ với cơ quan chức năng để nhận khoản tiền này, gồm 03 tháng trợ cấp người có công từ trần của bà Lê Thị L là 4.872.000 đồng và tiền thờ cúng hàng năm của Liệt sĩ Nguyễn T. Ông H đã nhiều lần yêu cầu ông G ký giấy ủy quyền để được nhận số tiền trợ cấp này nhưng ông G không đồng ý nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Kiều G trình bày: Ông Nguyễn Kiều G xác nhận về quan hệ nhân thân là anh ruột của ông Nguyễn Kiều H, có anh trai là Liệt sĩ Nguyễn T và mẹ là bà Lê Thị L. Sau khi mẹ ông mất, ông Nguyễn Kiều H có yêu cầu ông ký giấy ủy quyền cho ông H để được nhận số tiền 03 tháng trợ cấp cho người có công từ trần và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T nhưng ông G không ký. Ông G không có tranh chấp hay yêu cầu gì về quyền lợi cho bản thân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn PH trình bày:* Trước đây bà Nguyễn Thị L là người nhận tiền trợ cấp và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T. Sau khi bà L chết, còn lại 03 tháng trợ cấp cho người có công từ trần chưa chi trả do chưa có người được ủy quyền và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T chưa giải quyết. Việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Sau khi giải quyết xong, Tòa án quyết định ai là người được quyền nhận các khoản trợ cấp như trên thì Ủy ban nhân dân thị trấn PH lập hồ sơ đề nghị chi trả.

- *Đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện PH trình bày:* Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn liên quan đến việc giải quyết 03 tháng trợ

cấp cho người có công từ trần và tiền thờ cúng liệt sĩ Nguyễn T. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện PH đã phân tích, giải thích, vận động các bên thỏa thuận để cử người đại diện nhưng các bên không thống nhất. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- *Người đại diện cho bà Nguyễn Thị Y và Võ Thị T2 trình bày:* Bà T2 là người đại diện cho bà Y (bị câm điếc bẩm sinh), bà T2 là người nhận tiền trợ cấp xã hội giúp cho bà Nguyễn Thị Y. Việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn, bà T2 thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Kiều H.

Người làm chứng trình bày:

- *Ông Nguyễn Văn A trình bày:* Trước đây, bà Lê Thị L còn sống đứng tên nhận tiêu chuẩn của Liệt sĩ Nguyễn T, lúc còn mạnh khỏe thì bà L lo việc thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T, khi về già yếu không lo việc thờ cúng được thì bà L ủy quyền cho vợ chồng ông Nguyễn Kiều H ở chung trong một nhà lo việc cúng giỗ Liệt sĩ. Hằng năm dịp Tết, lễ, thăm viếng mộ Liệt sĩ thì ông H đại diện gia đình đi. Việc tranh chấp giữa ông H với ông G đề nghị Tòa án xem xét giải quyết có trước, có sau để hương khói Liệt sĩ Nguyễn T.

- *Ông Nguyễn H trình bày:* Việc nuôi mẹ và thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T là do vợ chồng ông Nguyễn Kiều H thờ cúng và nuôi mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được quyền nhận tiền trợ cấp của mẹ ông H khi từ trần và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Kiều H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Nguyễn Kiều G ký giấy ủy quyền cho ông được quyền nhận khoản tiền trợ cấp 03 tháng cho người có công từ trần chưa chi trả và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T. Bị đơn Nguyễn Kiều G vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ký giấy ủy quyền cho ông H nhưng cũng không tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 4, 5, 6 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Kiều H được nhận số tiền trợ cấp 03 tháng của người có công từ trần của bà Lê Thị L là 4.872.000 đồng và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định nhưng được miễn vì bị đơn là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn kiện “*Tranh chấp quyền được nhận tiền trợ cấp người có công từ trần và tiền thờ cúng Liệt sĩ*”, nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện PH. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Kiều H, HĐXX xét thấy: Bà Lê Thị L là mẹ của nguyên đơn Nguyễn Kiều H, bị đơn Nguyễn Kiều G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Y (bị cầm di chúc bẩm sinh), lúc còn sống và mạnh khỏe, bà L là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T (là anh ruột của nguyên đơn H, bị đơn G) và được xác định là người có công với Nhà nước. Khi bà L già yếu, việc thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T được giao cho ông Nguyễn Kiều H là người ở chung nhà với bà L có trách nhiệm thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T. Đến ngày 18/11/2021 bà L chết, vợ chồng ông Nguyễn Kiều H là người lo mai táng cho bà L và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân Liệt sĩ từ trần cho ông Nguyễn Kiều H.

[2.2] Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2023 tại khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH ông Đoàn Nhật N cho biết: Trước đây bà Lê Thị L còn sống là người thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T. Năm 2021, bà L chết, ông Nguyễn Kiều H là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T và mẹ là bà Lê Thị L.

[2.3] Biên bản xác minh ngày 24/8/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện PH về nhân thân của bà Lê Thị L cho biết: Bà Lê Thị L có chồng không rõ tên, chết trước bà L vào thời điểm nào không rõ, bà L có các người con, gồm Liệt sĩ Nguyễn T, ông Nguyễn Kiều G, sinh năm: 1948, ông Nguyễn Kiều H, sinh năm: 1965, bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1955, đều trú tại: Khu phố ĐT1, thị trấn PH, huyện PH, ngoài ra bà Lê Thị L không còn người con nào khác. Khi bà L chết, còn 03 tháng liền kề tiền trợ cấp cho người có công từ trần chưa chi trả, tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T hàng năm chưa lập hồ sơ đề nghị chi trả. Sau khi Tòa án giải quyết vụ án, giao cho ai là người được quyền nhận các khoản trợ cấp này thì Ủy ban nhân dân thị trấn PH giao cho người đó nhận.

[2.4] Xét ý kiến của bị đơn: Ông Nguyễn Kiều G không đồng ý ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Kiều H để nhận các khoản trợ cấp của bà L và tiền thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T hàng năm nhưng cũng không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa, HĐXX giải thích pháp luật về quyền lợi của bị đơn được quyền yêu cầu

nhận khoản tiền trợ cấp của bà L khi chết, nhưng bị đơn vẫn không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy: Ông Nguyễn Kiều H là người hiện nay trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T và mẹ là bà Lê Thị L. Để ổn định cho việc thăm viếng mộ, thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn T nên cần tiếp tục giao cho nguyên đơn Nguyễn Kiều H được quyền quản Bằng Liệt sĩ Nguyễn T và nhận tiền thờ cúng hàng năm của Liệt sĩ Nguyễn T là phù hợp với đạo đức xã hội, tập quán địa phương và quy định pháp luật.

Đối với số tiền 4.872.000 đồng là số tiền trợ cấp của bà Lê Thị L được nhận 01 lần khi từ trần, gia đình bà L chưa có sự thống nhất để cử đại diện nhận số tiền này. Xét về quyền lợi thì 03 người con của bà L có quyền lợi bằng nhau trên số tiền nêu trên (mỗi người được 1/3). Nhưng ông Nguyễn Kiều G không nhận, bà Nguyễn Thị Y bị cầm đũa bẩm sinh, bà Võ Thị T2 là người đại diện cho bà Y thống nhất giao cho ông Nguyễn Kiều H nhận, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho ông Nguyễn Kiều H được nhận số tiền trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Các Điều 4, 5, 6 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kiều H.

1. Ông Nguyễn Kiều H được quyền nhận khoản tiền trợ cấp của người có công từ trần của bà Lê Thị L là 4.872.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) và được quyền quản Bằng Liệt sĩ Nguyễn T; Được toàn quyền thay mặt ông Nguyễn Kiều G, bà Nguyễn Thị Y để liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục nhận tiền trợ cấp thờ cúng hàng năm của Liệt sĩ Nguyễn T.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Kiều G được miễn tiền án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Kiều H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009497 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. PH;
- Chi cục THADS H. PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật